

TÌNH HÌNH NHIỄM ẤU TRÙNG CỦA SÁN LÁ PHỐI (*PARAGONIMUS*) TẠI TỈNH YÊN BÁI

PHẠM NGỌC DOANH, NGUYỄN THỊ LÊ,
NGUYỄN THỊ MINH, NGUYỄN VĂN HÀ

Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật

Những nghiên cứu về sán lá phổi (*Paragonimus*) ở nước ta trong những năm gần đây cho thấy bệnh sán lá phổi phân bố ở nhiều tỉnh thuộc vùng núi phía Bắc Việt Nam. Cao Văn Viên (1997) ghi nhận 102 bệnh nhân bị nhiễm sán lá phổi tại huyện Sơn Hồ, tỉnh Lai Châu [9]. Nguyễn Văn Đề (1998) công bố tỷ lệ người bị nhiễm sán lá phổi ở huyện Sơn Hồ là 6,4-7,4%, ở huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La là 3,4-15,0% và ở huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình là 3,3-11,3% [3]. Trong những năm 1997-2002, chúng tôi điều tra tại 3 tỉnh thuộc vùng Tây Bắc và đã phát hiện mầm bệnh sán lá phổi ở 6 xã với tỷ lệ nhiễm metacercaria của sán lá phổi ở cua suối tương đối cao [2, 5, 6]. Vì vậy, việc tiếp tục điều tra sự phân bố của sán lá phổi là hết sức cần thiết, nhằm cung cấp thông tin về nguy cơ mắc bệnh sán lá phổi cho nhân dân, thầy thuốc và các nhà quản lý để có các biện pháp tuyên truyền và phòng trị bệnh. Bài này công bố các dẫn liệu về tình hình nhiễm ấu trùng của sán lá phổi ở tỉnh Yên Bái.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Tại mỗi địa điểm nghiên cứu, vật chủ trung gian 2 được thu thập và xét nghiệm trước để tìm ấu trùng metacercaria của sán lá phổi; nếu có thì tiếp tục xác định cercaria của sán lá phổi ở vật chủ trung gian 1.

Cua và ốc được bắt ở suối tại vùng nghiên cứu và định loại theo Đặng Ngọc Thanh và Hồ

Thanh Hải (2006) [7, 8]. Từng cá thể ốc và các bộ phận của cua được tách riêng, sau đó ép giữa 2 tấm kính, kiểm tra dưới kính lúp và kính hiển vi để tìm ấu trùng cercaria ở ốc và metacercaria ở cua.

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Tình hình nhiễm metacercaria của sán lá phổi ở vật chủ trung gian 2

Điều tra tại 12 xã thuộc 8 huyện của tỉnh Yên Bái, chỉ thu được một loài cua suối *Potamiscus tannanti* Rathbun, 1904. Kết quả xét nghiệm 483 cá thể cua suối tại 12 xã, đã phát hiện cua suối ở 3 xã bị nhiễm metacercaria của sán lá phổi; đó là hai xã Khánh Hòa và An Lạc thuộc huyện Lục Yên và xã Ngòi A thuộc huyện Văn Yên (bảng 1).

Bảng 1 cho thấy tỷ lệ nhiễm metacercaria của sán lá phổi ở xã Khánh Hòa là 53,3%, với cường độ nhiễm 1-82 metacercaria/cua (trung bình 28,8); tiếp đến là ở xã An Lạc: 50,0% và 1-51 metacercaria/cua (trung bình 19,2) và thấp nhất ở xã Ngòi A là 36,9% và 1-31 metacercaria/cua (trung bình 14,2). Tỷ lệ này thấp hơn so với ở huyện Sơn Hồ (Lai Châu) có tỷ lệ nhiễm từ 47,0-88,9% và cường độ nhiễm 2-327 metacercaria/cua, nhưng cao hơn so với ở hai tỉnh Sơn La và Hòa Bình, có tỷ lệ nhiễm từ 22,9-42,6% và cường độ nhiễm 1-15 metacercaria/cua [2].

Cua suối ở hai xã Khánh Hòa và Ngòi A chỉ bị nhiễm metacercaria của loài *Paragonimus heterotremus* Chen et Hsia, 1964. Riêng cua suối ở xã An Lạc bị nhiễm metacercaria của 2 loài sán lá phổi *P. heterotremus* và *Paragonimus* sp.. Trong số 50 cua xét nghiệm thì có 24 (48,0%) cá thể bị nhiễm loài *P. heterotremus* với cường độ

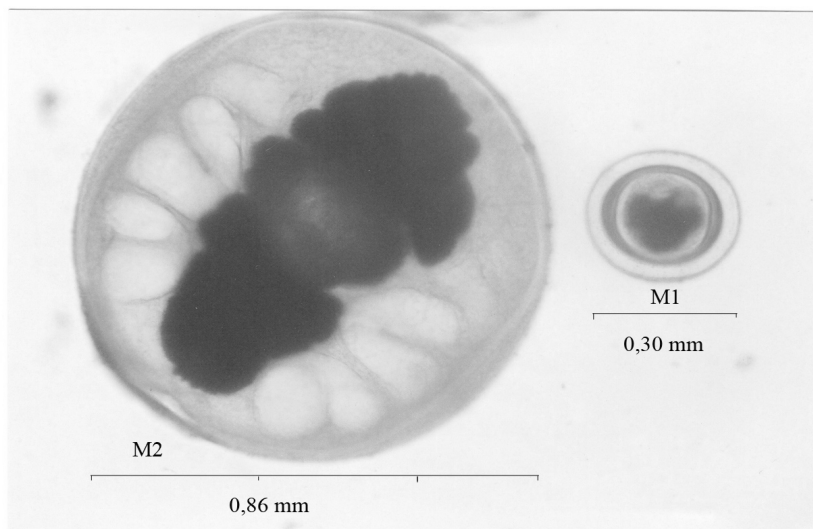
3-51 metacercaria/cua, còn tỷ lệ nhiễm metacercaria của loài *Paragonimus* sp. thấp hơn (24,0%), với cường độ 1-8 metacercaria/cua. Metacercaria của loài *Paragonimus* sp. mới chỉ tìm thấy ở gạch cua, còn metacercaria của loài *P. heterotremus* tìm thấy ở mang, gạch, thân, càng và chân cua.

Bảng 1

Tỷ lệ và cường độ nhiễm metacercaria của sán lá phổi ở loài cua suối *Potamiscus tannanti* Rathbun tại tỉnh Yên Bái

STT	Huyện	Xã	Số cua nghiên cứu	Số cua bị nhiễm	Tỷ lệ nhiễm (%)	Cường độ nhiễm	
						Min - Max	Trung bình
1	Lục Yên	Khánh Hòa	30	16 M1 = 16	53,3	1-82	28,8 □ 26,7
		An Lạc	50	25 M1 = 24 M2 = 12	50,0 48,0 24,0	1-51 3-51 1-8	19,2 □ 13,3
2	Văn Yên	Ngòi A	84	31 M1 = 31	36,9	1-36	14,2 □ 10,9
		Đại Sơn	54	-	-	-	-
3	Trần Yên	Tân Đông	30	-	-	-	-
		Báo Đáp	30	-	-	-	-
4	Yên Bình	Tân Nguyên	40	-	-	-	-
		Đại Đông	40	-	-	-	-
5	Trạm Tấu	Pá Lau	15	-	-	-	-
6	Nghĩa Lộ	Gia Hội	50	-	-	-	-
7	Văn Chấn	Tân Thịnh	30	-	-	-	-
8	Mù Căng Chải	Cao Phạ	30	-	-	-	-

Ghi chú: M1. metacercaria của loài *P. heterotremus*; M2. metacercaria của loài *Paragonimus* sp.



Hình. Hai dạng metacercaria của sán lá phổi ở tỉnh Yên Bái

- M1. metacercaria của loài *P. heterotremus*; M2. metacercaria của loài *Paragonimus* sp. chủ trung gian 1 của sán lá phổi.
2. Tỷ lệ nhiễm ấu trùng cercaria của sán lá phổi ở vật chủ trung gian 1

Tại 3 xã có tồn tại metacercaria của sán lá phổi ở vật chủ trung gian 2, đã thu được loài ốc sổi *Pseudotricula* sp. và xác định đây là vật

Kết quả xét nghiệm mới chỉ tìm thấy cercaria của sán lá phổi ở loài ốc này tại xã Khánh Hòa với tỷ lệ nhiễm là 0,5%; còn ở hai xã An Lạc và Ngòi A chưa tìm thấy ấu trùng của sán lá phổi (bảng 2).

Bảng 2

Tỷ lệ nhiễm cercaria của sán lá phổi ở vật chủ trung gian 1

STT	Địa điểm	Loài ốc	Số cá thể mổ	Số cá thể bị nhiễm	Tỷ lệ nhiễm (%)
1	Khánh Hòa, Lục Yên	<i>Pseudotricula</i> sp.	200	1	0,5
2	An Lạc, Lục Yên	<i>Pseudotricula</i> sp.	5000	0	-
3	Ngòi A, Văn Yên	<i>Pseudotricula</i> sp.	2000	0	-

Kết quả cho thấy tỷ lệ nhiễm cercaria của sán lá phổi rất thấp. Kết quả này cũng phù hợp với điều tra của Phạm Ngọc Doanh và cs. (2002) [2] ở vùng Tây Bắc với tỷ lệ nhiễm ở xã Tà Ngào, huyện Sơn Hồ (Lai Châu) chỉ là 0,75%, ở xã Nà Mường, huyện Mộc Châu (Sơn La) 0,25% và ở xã Tu Lý, huyện Đà Bắc (Hòa Bình) 0,2%; đồng thời cũng phù hợp với kết quả ở một số nơi khác trên thế giới: Hu W. Q. (1994) điều tra ở tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc) thấy tỷ lệ nhiễm ấu trùng của sán lá phổi *P. heterotremus* ở ốc *Tricola* sp. chỉ là 0,11% [4]; Amunarriz M. (1991) [1] cho thấy tỷ lệ nhiễm cercaria của sán lá phổi ở ốc *Aroapyrgus colombiensis* (họ Hydrobiidae) tại vùng có ổ dịch ở Ê-cu-a-đo cũng chỉ là 0,04%. Những địa điểm chưa phát hiện cercaria của sán lá phổi có thể do tỷ lệ nhiễm quá thấp, hoặc có thể tỷ lệ nhiễm theo mùa vụ khác nhau.

III. KẾT LUẬN

1. Điều tra tại 12 xã thuộc 8 huyện của tỉnh Yên Bái đã phát hiện sán lá phổi có ở hai xã Khánh Hòa và An Lạc thuộc huyện Lục Yên và xã Ngòi A thuộc huyện Văn Yên.

2. Loài ốc đóng vai trò vật chủ trung gian 1 của sán lá phổi là *Pseudotricula* sp.. Tỷ lệ nhiễm cercaria của sán lá phổi ở ốc tại xã Khánh Hòa là 0,5%; còn ở 2 xã An Lạc và Ngòi A, chưa tìm thấy ấu trùng cercaria của sán lá phổi.

3. Vật chủ trung gian 2 của sán lá phổi tại tỉnh Yên Bái là loài cua sổi *Potamiscus tannanti*. Cua sổi ở xã Khánh Hòa và xã Ngòi A chỉ nhiễm metacercaria của loài *P. heterotremus*. Riêng cua sổi ở xã An Lạc bị nhiễm metacercaria của 2 loài sán lá phổi *P. heterotremus* và *Paragonimus* sp..

4. Tỷ lệ nhiễm metacercaria của sán lá phổi ở xã Khánh Hòa là 53,3%, cường độ nhiễm 1-82 metacercaria/cua, ở xã An Lạc: 50% và 1-51 metacercaria/cua và thấp nhất ở xã Ngòi A là 36,9% và 1-31 metacercaria/cua. Tỷ lệ và cường độ nhiễm metacercaria của loài *P. heterotremus* (48,0% và 3-51 metacercaria/cua) cao hơn so với loài *Paragonimus* sp. (24,0% và 1-8 metacercaria/cua).

5. Metacercaria của loài sán lá phổi *Paragonimus* sp. chỉ tìm thấy ở gạch cua, còn metacercaria của loài *P. heterotremus* tìm thấy ở mang, gạch, thân, càng và chân cua.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Amunarriz M., 1991: Tropical Medicine Parasitology, 42(3): 164-166.
2. Phạm Ngọc Doanh, 2002: Tạp chí Sinh học, 24(1): 14-22. Hà Nội.
3. Nguyễn Văn Đề và cs., 1998: Thông tin phòng chống sốt rét và các bệnh ký sinh trùng, 2: 35.

4. **Hu W. Q., Zhou S. H., Long Z. P.**, 1994: Zhongguo Ji Sheng Chong Xue Yu Ji Sheng Chong Bing Za Zhi, 12(1): 34-36.
5. **Nguyễn Thị Lê và cs.**, 1997: Tạp chí Sinh học, 19(1): 5-7. Hà Nội.
6. **Nguyễn Thị Lê, Đặng Tất Thế, Phạm Ngọc Doanh**, 1997: Y học Việt Nam, 2: 35-40.
7. **Đặng Ngọc Thanh, Hồ Thanh Hải**, 2006: Động vật chí Việt Nam, tập 5. Giáp xác nước ngọt. Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
8. **Đặng Ngọc Thanh, Hồ Thanh Hải**, 2006: Tạp chí Sinh học, 28(1): 8-18. Hà Nội.
9. **Cao Văn Viên**, 1997: Kỷ yếu Hội nghị khoa học - công nghệ - môi trường lần thứ V các tỉnh miền núi phía Bắc: 81-84.

PREVALENT INFECTION OF *PARAGONIMUS* LARVAE IN YENBAI PROVINCE

PHAM NGOC DOANH, NGUYEN THI LE,
NGUYEN THI MINH, NGUYEN VAN HA

SUMMARY

An investigation for the *Paragonimus* larvae infection was conducted in 12 villages of 8 districts belonging to the Yenbai province in 2005. *Paragonimus* metacercariae were found in 3 villages: Khanhhoa, Anlac (Lucyen district) and Ngoia (Vanyen district). Only one mountainous crab species *Potamiscus tannanti* Rathbun served as the second intermediate host of *Paragonimus* in study sites. The infective prevalence of *Paragonimus* metacercaria in crabs were quite high: the infection rate and density in the Khanhhoa village were 53.3% and 1-82 metacercaria/crab (average 28.8) respectively, in the Anlac village: 50% and 1-51 metacercaria/crab (average 19.2) and in the Ngoia village: 36.9% and 1-31 metacercaria/crab (average 14.2). The crabs *P. tannanti* in the Khanhhoa and Ngoia villages were infected with only metacercaria of *P. heterotremus* while this crab species in the Anlac village were concurrently infected with those of *P. heterotremus* and *Paragonimus* sp.. The infection of metacercaria of earlier species was higher than that of latter species. Only one snail species *Pseudotricula* sp. served as the first intermediate host of *Paragonimus* in the Yenbai province. The cercaria of *Paragonimus* was found at 0.5% of this snail in the Khanhhoa village, but not yet found in Anlac and the Ngoia villages.

Ngày nhận bài: 10-1-2006